



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
SAO BẮC ĐÀU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

**Trang**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**1 – 2**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**3 – 4**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

**5 – 6**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

**7**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

**8 – 9**

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

**10 – 42**

17 18 19 20 21 22

035 04 05 06 SAO 07

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
------------	----------------

Ông Trần Anh Tuấn  
Ông Trần Tuyên Đức  
Ông Hoàng Hải Thịnh  
Ông Nguyễn Đức Quang  
Ông Đỗ Văn Hào  
Ông Lê Hồng Phong  
Ông Nguyễn Việt Thắng

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
------------	----------------

Bà Mai Thị Thúy Mai  
Bà Nguyễn Thị Minh Huân  
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
------------	----------------

Ông Lê Hồng Phong  
Ông Nguyễn Xuân Trường  
Ông Nguyễn Xuân Quang  
Ông Phan Việt Linh  
Ông Nguyễn Việt Thắng  
Ông Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/01/2021)  
Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/01/2021)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phần ảnh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 03 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hồng Phong  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021





RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
14C Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

www.rsm.gobal/vietnam

Số: 72/2021/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 06 năm 2021 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (cơ chế kế toán Việt Nam) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**  
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 03 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### KIỂM TOÁN GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0172-2018-026-1



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4341-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/03/2021

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/04/2020	Đơn vị tính: VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>604.654.057.341</b>	<b>609.005.600.936</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>					
1. Tiền	110	4.1	37.851.012.520	31.180.877.791	
	111		37.851.012.520	31.180.877.791	
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.103.204.100</b>	-	
	123		1.103.204.100	-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>491.450.686.650</b>	<b>443.014.694.220</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	375.605.830.470	337.796.818.860	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	42.460.671.758	26.000.491.957	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.020.080.578	800.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	74.871.566.480	80.924.846.039	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.6	<b>71.245.594.881</b>	<b>130.810.032.892</b>	
1. Hàng tồn kho	141		71.253.032.679	131.431.370.690	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(621.337.798)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.003.559.190</b>	<b>3.999.996.033</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.350.637.074	2.812.849.367	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		451.750.908	7.749.303	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.201.171.208	1.179.397.363	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>117.218.716.791</b>	<b>137.403.245.083</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>112.311.846</b>	<b>105.311.846</b>	
1. Phải thu dài hạn khác	216		112.311.846	105.311.846	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.109.889.587</b>	<b>95.064.484.710</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	62.984.170.540	77.499.224.977	
Nguyên giá	222		161.330.797.414	186.516.556.087	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.346.626.874)	(109.017.331.110)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.8	15.363.790.356	15.316.667.176	
Nguyên giá	225		25.723.433.713	26.273.150.796	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.359.643.357)	(10.956.483.620)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	3.761.928.691	2.248.592.557	
Nguyên giá	228		5.417.235.026	3.754.488.717	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.655.306.335)	(1.505.896.160)	
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.093.014.484</b>	<b>11.113.423.236</b>	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.093.014.484	11.113.423.236	
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>14.640.637.582</b>	<b>7.343.110.682</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		13.740.637.582	5.593.110.682	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		900.000.000	750.000.000	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.262.863.292</b>	<b>23.776.914.609</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	15.740.749.327	23.333.601.723	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		522.113.965	443.312.886	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>721.872.774.132</b>	<b>746.408.846.019</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/03/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày	Đơn vị tính: VND
			31/03/2021	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>592.514.963.661</b>	<b>601.210.887.546</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>572.259.162.717</b>	<b>587.625.663.767</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	123.517.492.866	161.608.285.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	57.139.806.095	78.927.198.638
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	5.710.254.909	4.499.758.769
4. Phải trả người lao động	314	4.14	2.925.901.887	5.598.541.063
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	10.738.007.716	4.668.706.448
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.702.273.080	6.478.274.536
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	6.096.271.060	12.171.136.011
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	352.429.155.104	313.673.762.742
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.255.800.944</b>	<b>13.585.223.779</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	7.652.496.720
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	250.570.704
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	17.311.104.752	5.682.156.355
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		127.797.717	-
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	4.18	2.816.898.475	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>129.357.810.472</b>	<b>145.197.958.473</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>129.357.810.472</b>	<b>145.197.958.473</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.19.1	115.000.000.000	115.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	4.19.2	115.000.000.000	115.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.19.5	840.139.770	3.640.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.501.419.805	13.047.646.730
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		484.146.730	(1.603.951.277)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.017.273.074	14.651.598.007
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.016.250.897	13.510.171.973
<b>TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>721.872.774.132</b>	<b>746.408.846.019</b>



*Signature*

Lê Hồng Phong  
Tổng giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021

*Signature*

Ngô Lê Việt Anh  
Kế toán trưởng

*Signature*

Khưu Kim Huệ  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.247.143.997.131	1.045.353.580.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		223.104.881	678.382.646
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.246.920.892.250	1.044.675.198.135
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.115.184.228.009	891.226.373.267
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.736.664.241	153.448.824.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.154.237.877	2.558.840.408
7. Chi phí tài chính	22	5.3	26.874.875.301	24.527.879.725
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		23.900.809.753	23.774.191.554
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		(66.300.655)	(584.054.572)
9. Chi phí bán hàng	25	5.4	42.266.083.810	39.467.787.912
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	68.437.079.812	81.278.482.228
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.753.437.460)	10.149.460.839
12. Thu nhập khác	31	5.6	14.205.303.652	11.023.532.052
13. Chi phí khác	32		2.134.989.613	1.373.990.525
14. Lợi nhuận khác	40		12.070.314.039	9.649.541.527
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.316.876.579	19.799.002.366
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.374.464.096	2.405.568.516
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		48.996.638	(479.848.836)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.893.415.845	17.873.282.686
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		11.017.273.074	14.651.598.007
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.123.857.229)	3.221.684.679
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.6	958	1.334
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.6	958	1.334



*[Handwritten signature]*

**Lê Hồng Phong**  
Tông giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021

*[Handwritten signature]*

**Ngô Lê Việt Anh**  
Kế toán trưởng  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021

*[Handwritten signature]*

**Khưu Kim Huệ**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.316.876.579	19.799.002.366
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	41.039.313.773	32.707.940.982
Các khoản dự phòng	03		(155.948.262)	553.555.056
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.164.704)	(1.181.813.972)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		38.837.041	377.793.585
Chi phí lãi vay	06	5.3	23.900.809.753	23.774.191.554
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		73.138.724.180	76.030.669.571
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(64.051.937.890)	(15.168.403.805)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		54.979.300.723	(38.803.349.223)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(61.656.046.361)	43.886.984.168
Tăng giảm chi phí trả trước	12		8.216.561.420	5.936.248.020
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.900.809.753)	(24.011.934.899)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4 13	(868.179.878)	(725.892.367)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(14.142.387.559)</b>	<b>47.144.321.465</b>
	21		(32.535.950.855)	(33.392.450.463)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9.475.464.843	6.525.614.944
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	23		(2.890.243.993)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	500.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25		(150.000.000)	(1.750.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.500.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27		205.635.370	34.202.717
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30		(18.395.094.635)	(27.775.632.802)

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	16.200.940.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(67.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	985.520.150.687	710.891.407.142
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(92.086.109.867)	(756.088.844.374)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(10.253.516.626)	(8.019.888.635)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.974.071.975)	(10.210.853.799)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>39.206.452.219</b>	<b>(47.294.239.666)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>6.668.970.025</b>	<b>(27.925.551.003)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.180.877.791	59.078.645.382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.164.704	27.783.412
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	4.1	<b>37.851.012.520</b>	<b>31.180.877.791</b>



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Lê Hồng Phong**  
Tổng giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2021

**Ngô Lê Việt Anh**  
Kế toán trưởng

**Khưu Kim Huệ**  
Người lập

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN/HN

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện tử – Tin học Sao Bắc Đẩu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCVSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/04/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	16,42	18.878.930.000	15,42
Cổ đông khác	Việt Nam	96.121.070.000	83,58	96.121.070.000	83,58
<b>Cộng</b>		<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.7 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là “Tập đoàn”).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2021 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mễ Trì - Phường Mễ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Sac Bắc Đẩu: 27/14B Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/03/2021 là 261 (01/04/2020 là: 351).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, cây cấp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý kỹ gởi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị “gánh bu” chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông đại lý cung cấp các dịch vụ, bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyên g ao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

#### 1.5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm nay, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Việt Nam cũng như toàn thế giới và gây nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh truyền thông. Do đó, nhiều doanh nghiệp đã dần tiến hành việc chuyển đổi số, nhu cầu về sử dụng công nghệ thông tin gia tăng. Vì vậy, tình hình hoạt động kinh doanh năm nay của Tập đoàn đã tăng trưởng khá tốt, doanh thu và giá vốn của Tập đoàn tăng lần lượt khoảng 19% và 25% so với năm trước.

#### 1.6. Cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 750.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công nghệ QI (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu) cho bên liên quan và bên thứ ba. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Công nghệ QI từ 70,92% giảm xuống còn 33,42% và trở thành công ty liên kết. Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng của phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Công nghệ QI tại ngày g ao dịch là 620.151.648 VND đã được ghi nhận vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong năm, Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đẩu đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để giải thể hoạt động. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lãi là 8.259.497 VND từ việc giải thể công ty con này vào thu nhập tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong năm, Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đẩu đã hoàn tất các thủ tục pháp lý để g ai thể hoạt động. Vào ngày 25/03/2021, Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đẩu đã hoàn thành nghĩa vụ với cơ quan thuế và nộp hồ sơ yêu cầu cấp nhật tình trạng giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Ngày 03/04/2021, Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đẩu nhận thông báo chính thức về việc đã cấp nhật tình trạng giải thể/chấm dứt tồn tại tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lỗ là 1.566.971.443 VND từ việc giải thể công ty con này vào chi phí tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 1.7. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đẩu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	61%	61%
3.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%
4.	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đẩu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%

#### 1.8. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Công nghệ QI	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,42%	33,53%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%
3.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%
4.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	27,03%
5.	Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	15,69%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng bảng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U. 14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ.

#### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### *Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con*

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lẽ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có bằng ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

#### 3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### 3.4. Đầu tư tài chính

##### **Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác**

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

##### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

##### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác**

##### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.5. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

##### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.6. Hàng tồn kho

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá trị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

##### *Phương pháp khấu hao*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 15 – 40 năm
- Máy móc thiết bị 03 – 08 năm
- Phương tiện vận tải truyền dẫn 03 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 02 – 05 năm

#### 3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### *Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu*

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

##### *Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình*

###### *Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

###### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng đất tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trí - Phường Mỹ Trí - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam



### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.9. Thuế tài sản

##### *Phân loại thuế tài sản*

Thuế tài chính là thuế tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuế khác được phân loại là thuế hoạt động.

##### *Thuế tài chính*

Tài sản thuế tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu thuế tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuế cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu cho việc thuế tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuế tài sản thuế tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuế theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuế tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuế. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

#### 3.10. Cho thuê tài sản

##### *Cho thuê hoạt động*

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

#### 3.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

##### *Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng.*

Bên cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận cung cấp dịch vụ ghi nhận doanh thu cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác.

#### 3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thành lập doanh nghiệp, giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuế tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả con lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### 3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

##### *Quy dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16. Doanh thu và thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của các giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ cru yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và lỗ tỷ giá hối đoái.

#### 3.19. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tã sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### 3.20. Thuế

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không được hưởng ưu đãi.

##### **Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát tạm thời hoàn toàn khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

*(Xem tiếp trang sau)*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.20. Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Tập đoàn được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Tập đoàn được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ. Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Công nghiệp Khoa học và công nghệ, Tập đoàn được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Tập đoàn có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

*(Xem tiếp trang sau)*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.20. Thuế (Tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4234430517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 07 năm 2017, Công ty con – Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2017) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2021);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 5 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0488758402 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 08 năm 2019, Công ty con – Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đẩu thực hiện dự án “Trung tâm sản xuất phần mềm và tích hợp hệ thống” tại Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Và theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Tập đoàn có thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghệ thông tin tập trung được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Tập đoàn được hưởng ưu đãi:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (kể từ năm tài chính 2019) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (kể từ năm tài chính 2023);
- Được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu bắt đầu thực hiện dự án đầu tư.

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Tập đoàn lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

#### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 3.23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

#### 3.24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐÓNG KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Tiền mặt	2.058.731.744	14.324.656.573
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.792.280.776	16.856.171.218
Tiền đang chuyển	-	50.000
<b>Cộng</b>	<b>37.851.012.520</b>	<b>31.180.877.791</b>

(Xem tiếp trang sau)





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### 4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 8	2.192.059.169	709.306.849
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cả	63.586.665.138	63.586.665.138
Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội	47.131.643.410	143.550.000
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	34.813.883.703	34.813.883.703
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	23.291.622.800	-
Tập đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	21.333.203.862	-
Tổng Công ty Truyền thông	20.222.705.700	8.733.256.040
Công Ty TNHH Viettel – CHT	18.741.135.000	-
Ngân hàng Chính sách xã hội	9.710.000.000	-
Các khách hàng khác	619.695.000	13.773.805.005
	133.953.216.688	216.036.352.125
<b>Cộng</b>	<b>375.605.830.470</b>	<b>337.796.818.860</b>

Tại ngày 31/03/2021, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng ngắn hạn.

#### 4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	655.390.000	655.390.000
Trả trước cho người bán:		
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	14.116.575.214	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	12.808.830.000	12.808.830.000
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Globa	8.419.650.000	5.051.790.000
Các nhà cung cấp khác	6.460.226.544	7.484.481.957
<b>Cộng</b>	<b>42.460.671.758</b>	<b>26.000.491.957</b>

Tại ngày 31/03/2021, trả trước các nhà cung cấp khác ngắn hạn có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước các nhà cung cấp ngắn hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/04/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu người lao động	2.568.628.740	-	9.356.456.240	-
Ký quỹ bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	51.318.673.019	-	51.318.673.019	-
Ký cược, ký quỹ	14.084.673.849	-	11.469.847.777	-
Phải thu khác	6.899.590.872	-	8.779.869.003	-
<b>Cộng</b>	<b>74.871.566.480</b>	<b>-</b>	<b>80.924.846.039</b>	<b>-</b>

**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2021		Tại ngày 01/04/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.561.539.709	-	9.804.349.924	-
Hàng tại kho Tập đoàn	3.079.701.571	(7.437.798)	8.066.802.841	(621.337.798)
Hàng tại kho triển khai	38.181.613.070	-	98.498.250.446	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	9.991.244.417	-	2.268.749.152	-
Hàng hóa bất động sản	1.862.858.455	-	1.862.858.455	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.521.682.282	-	8.437.423.626	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2.429.280.112	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.262.959	-
<b>Cộng</b>	<b>71.253.032.679</b>	<b>(621.337.798)</b>	<b>131.431.370.690</b>	<b>(621.337.798)</b>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH NHẬT (TIẾP THEO)

4.7. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nguyên giá:		Giá trị hao mòn lũy kế:		Giá trị còn lại:
	Tại ngày 01/04/2020	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/04/2020	Tại ngày 31/03/2021	
Nhà cửa, vật kiến trúc	34.345.180.908	120.125.047.854	120.125.047.854	30.880.161.684	11.265.033.024
Máy móc, thiết bị	14.794.200.977	14.794.200.977	14.794.200.977	1.379.874.235	13.414.326.742
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	17.258.739.229	17.258.739.229	17.258.739.229	3.569.253.329	13.689.485.900
Tàng khác	7.839.499.083	7.839.499.083	7.839.499.083	-	7.839.499.083
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.239.363.590)	(25.239.363.590)	-	24.000.000.000
Giảm khác	-	(40.500.000)	(40.500.000)	-	40.500.000
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(10.679.741.157)	(10.679.741.157)	(32.901.555.138)	11.571.712.914
Tài ngày 01/04/2020	9.663.734.776	74.902.178.372	29.936.599.180	23.288.942.790	1.162.475.172
Tài ngày 01/04/2020	1.619.343.612	29.936.599.180	3.231.310.868	38.321.787	109.017.331.110
Tăng khác	-	6.453.729.044	-	-	6.453.729.044
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.236.590.170)	-	(203.246.800)	(16.439.836.970)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(10.667.240.950)	-	(23.845.380.648)	(35.510.171.757)
Tài ngày 31/03/2021	11.283.078.388	84.388.675.476	23.288.942.790	2.674.873.010	98.346.626.874
Tài ngày 01/04/2020	24.681.446.132	45.222.869.482	7.591.218.894	3.690.469	77.499.224.977
Tài ngày 31/03/2021	23.062.102.520	39.669.206.920	252.861.100	-	62.984.170.540

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 23.062.102.537 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.373.230.442 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2020 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2021 VND
Nguyên giá	26.273.150.795	7.289.782.000	7.839.499.083	25.723.433.713
Giá trị hao mòn lũy kế	(10.956.483.620)	(5.856.888.781)	(6.453.729.044)	(10.359.643.357)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>15.316.667.175</b>			<b>15.363.790.356</b>

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2020	1.653.331.496	2.101.157.221	3.754.488.717
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.018.861.309	-	2.018.861.309
Giảm do thoái vốn đầu tư	(356.115.000)	-	(356.115.000)
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>3.316.077.805</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>5.417.235.026</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2020	1.505.896.160	-	1.505.896.160
Khấu hao trong năm	356.849.545	-	356.849.545
Giảm do thoái vốn đầu tư	(207.439.370)	-	(207.439.370)
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>1.655.306.335</b>	<b>-</b>	<b>1.655.306.335</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2020	147.435.336	2.101.157.221	2.248.592.557
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>1.660.771.470</b>	<b>2.101.157.221</b>	<b>3.761.928.691</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.288.773.454 VND.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Quyền sử dụng đất	7.093.445.594	7.470.088.725
Chi phí trả trước cho các dự án	3.895.175.36	8.628.290.693
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.196.674.950	1.795.999.282
Các khoản khác	3.555.453.647	5.439.223.023
<b>Cộng</b>	<b>15.740.749.327</b>	<b>23.333.601.723</b>

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 7.093.445.594 VND tại Lô J.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.17.

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND		Tại ngày 01/04/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.098.189.086	2.098.189.086	-	-
Phải trả người bán:				
Avu Pty Ltd	12.070.918.070	12.070.918.070	7.245.866.467	7.245.866.467
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	11.574.954.107	11.574.954.107	3.922.457.387	3.922.457.387
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	11.150.660.800	11.150.660.800	1.550.660.800	11.150.660.800
Công ty TNHH Một Thành Viên Ứng dụng Kỹ thuật và Sản xuất	9.474.300.000	9.474.300.000	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Nexdata	8.561.640.000	8.561.640.000	-	-
Cisco International Limited	3.466.987.354	3.466.987.354	8.407.659.794	8.407.659.794
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solutions (Việt Nam)	425.135.230	425.135.230	12.063.055.260	12.063.055.260
Sandvine Corporation	155.923.491	155.923.491	8.683.220.000	8.683.220.000
Blue Sky Solutions	-	-	42.371.799.427	42.371.799.427
Global Trading Co Ltd	64.538.784.728	64.538.784.728	67.763.566.425	67.763.566.425
Khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>123.517.492.866</b>	<b>123.517.492.866</b>	<b>161.608.285.560</b>	<b>161.608.285.560</b>

Tại ngày 31/03/2021, phải trả người bán ngắn hạn cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	22.632.362.490	19.264.502.490
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	13.478.685.000	3.470.600.000
Trung tâm Tin học	7.326.815.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.879.920	16.036.404.918
Văn phòng Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp	-	14.345.055.000
Các khách hàng khác	13.687.063.685	25.810.636.230
<b>Cộng</b>	<b>57.139.806.095</b>	<b>78.927.198.638</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tại ngày 31/03/2021		Trong năm		Tại ngày 01/04/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.113.717.606	3.429.252.590	300.443.574.266	298.082.208.089	653.688.726	1.113.717.606
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	84.270.228	84.270.228	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.520.000	799.679.464	1.374.164.096	868.179.878	292.033.425	65.679.757
Thuế thu nhập cá nhân	30.933.602	193.798.377	4.489.034.843	5.048.903.495	173.337.297	-
Các loại thuế khác	-	1.287.524.478	5.483.787.143	5.483.787.143	-	1.287.524.478
<b>Cộng</b>	<b>1.201.171.208</b>	<b>5.710.254.909</b>	<b>311.875.130.576</b>	<b>309.567.348.833</b>	<b>1.119.059.448</b>	<b>1.179.397.363</b>

Là khoản lượng thường năm tài chính 2020 còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	10.455.734.989	3.414.581.951
Phải trả phần phân chia doanh thu cho các đối tác	-	733.613.110
Chi phí phải trả khác	282.272.727	520.511.387
<b>Cộng</b>	<b>10.738.007.715</b>	<b>4.668.706.448</b>

**4.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Cổ tức phải trả cho bên liên quan	-	1.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông khác	2.550.243.075	2.224.342.250
Cổ tức phải trả cho các cổ đông không kiểm soát	66.000.000	1.920.000.000
Kinh phí công đoàn	1.243.866.057	1.642.549.495
Tiền bảo hiểm còn phải trả	268.489.380	8.388.918
Nhận ký quỹ, ký cược	-	507.559.892
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.967.672.548	4.668.295.456
<b>Cộng</b>	<b>6.096.271.060</b>	<b>12.171.136.011</b>

(Xem tiếp trang sau)

BÀN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuế tài chính

Số cơ khả năng trả nợ		Số cơ khả năng trả nợ		Số cơ khả năng trả nợ	
Tài ngày 31/03/2021	Tài ngày 01/04/2020	Trong năm	Tài ngày 31/03/2021	Tài ngày 01/04/2020	Trong năm
VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng:					
Vay ngân hàng	351.767.441.681	966.748.850.687	17.832.734.946	13.103.817.855	13.103.817.855
Vay dài hạn đến hạn trả	3.754.260.216	4.692.825.270	(3.754.260.216)	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	6.907.453.207	9.739.308.333	(6.907.453.207)	(7.421.661.500)	(7.421.661.500)
<b>Cộng</b>	<b>362.429.155.104</b>	<b>981.180.984.290</b>	<b>17.311.104.752</b>	<b>5.682.156.355</b>	<b>5.682.156.355</b>
Dài hạn:					
Vay ngân hàng	17.832.734.946	18.771.300.000	17.832.734.946	13.103.817.855	13.103.817.855
Vay dài hạn đến hạn trả	(3.754.260.216)	(4.692.825.270)	(3.754.260.216)	-	-
Nợ thuế tài chính	10.140.083.229	7.289.782.000	10.140.083.229	13.103.817.855	13.103.817.855
Từ nợ dài hạn đến hạn trả	(6.907.453.207)	(9.739.308.333)	(6.907.453.207)	(7.421.661.500)	(7.421.661.500)
<b>Cộng</b>	<b>17.311.104.752</b>	<b>11.628.948.397</b>	<b>17.311.104.752</b>	<b>5.682.156.355</b>	<b>5.682.156.355</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>379.740.259.856</b>	<b>992.809.932.687</b>	<b>379.740.259.856</b>	<b>319.355.919.097</b>	<b>319.355.919.097</b>

Các khoản vay ngân hàng ngân hàng hạn bằng VND chịu lãi suất từ 5,5%/năm đến 8%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng tại sân hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a Đường số 22 Khu Chế Xuất Tân Thuận Phường Tân Thuận Đông Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh của công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 6.149.465.270 VND và 7.093.445.594 VND – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.10;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng;
- Hàng hóa khoản phải thu hợp đồng tiền gửi số tiết kiệm số tiền kỳ quy tại sân hình thành từ vốn vay;
- Số tiền kỳ quy tại sân hình thành từ phương án vay các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.



**BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản vay ngân hàng dài hạn là các khoản vay bằng VND chịu lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Mặt bằng tòa nhà văn phòng Hà Nội với giá trị còn lại là 16.912.637.267 VND – Xem thêm mục 4.7;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.

Nợ thuê tài chính là các khoản nợ theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Chaillease có thời hạn từ 2 – 3 năm, chịu lãi suất 7,5%/năm đến 8,9%/năm.

**4.18. Quy phát triển khoa học và công nghệ**

**Quy phát triển  
khoa học và công nghệ  
VND**

4.000.000.000  
(1.183.101.525)

**2.816.898.475**

*(Xem tiếp trang sau)*

Tại ngày 31/03/2021

Tại ngày 01/04/2020  
Trích trong năm  
Sử dụng quỹ

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.19. Vốn chủ sở hữu

4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu			
	VND	VND	VND	VND
Quy đầu tư	3.440.139.770	98.999.060.000	16.000.940.000	98.999.060.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.124.953.938	13.389.906.294	200.000.000	124.954.060.002
Lợi ích cổ đông không kiểm soát			16.200.940.000	16.200.940.000
			3.221.684.679	17.873.282.686
			(9.899.906.000)	(9.899.906.000)
			(200.000.000)	(200.000.000)
			(628.999.215)	(628.999.215)
			(181.419.000)	(181.419.000)
				(810.418.215)
Tài ngày 01/04/2019	3.440.139.770	98.999.060.000	16.000.940.000	98.999.060.000
Tăng vốn trong trước				
Lãi trong năm trước				
Chia cổ tức				
Trích quỹ thuộc nguồn vốn				
Khác				
Tài ngày 01/04/2020	3.640.139.770	13.047.646.730	13.510.171.973	145.197.958.473
Lãi trong năm nay				
Chia cổ tức				
Trích quỹ thuộc nguồn vốn				
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ				
Sử dụng quỹ				
Giảm do thoái vốn, thanh lý các khoản đầu tư				
Khác				
Vào công ty con				
Khác				
Tài ngày 31/03/2021	115.000.000.000	11.501.419.805	2.016.250.897	129.357.810.472

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	96.121.070.000	96.121.070.000
<b>Cộng</b>	<b>115.000.000.000</b>	<b>115.000.000.000</b>

**4.19.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/04/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang ký phát hành	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.500.000	11.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.500.000	11.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.19.4. Cổ tức**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.500.000.000	9.899.906.000

**4.19.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/04/2020	3.640.139.770
Trích trong năm	400.000.000
Sử dụng để trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	(3.200.000.000)
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>840.139.770</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
 Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông  
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.19.6. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	11.077.273.074	14.651.598.007
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.077.273.074	14.651.598.007
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.500.000	10.980.654
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>958</b>	<b>1.334</b>

**4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 31/03/2021	Tại ngày 01/04/2020
--	------------------------	------------------------

Ngoại tệ các loại:

USD	7.468,91	3.080.611,00
-----	----------	--------------

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	916.298.194.289	845.940.674.319
Doanh thu cung cấp dịch vụ	330.845.802.842	196.360.395.786
Doanh thu khác	-	3.052.510.676
<b>Cộng</b>	<b>1.247.143.997.131</b>	<b>1.045.353.580.781</b>

Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu khác

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị, hàng hóa công nghệ thông tin	816.680.153.878	752.601.800.886
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	298.504.074.131	134.685.478.667
Khác	-	3.939.093.714
<b>Cộng</b>	<b>1.115.184.228.009</b>	<b>891.226.373.267</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.3. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	23.900.809.753	23.774.191.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	795.201.953	437.020.419
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	1.558.711.947	-
Lỗ từ thoái vốn các khoản đầu tư	620.151.648	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(60.344.944)
Chi phí tài chính khác	-	377.012.696
<b>Cộng</b>	<b>26.874.875.301</b>	<b>24.527.879.725</b>

**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	31.524.793.934	23.528.079.600
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.638.741	671.358.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.739.683	25.166.672
Chi phí bảo hành	1.944.119.385	543.541.733
Chi phí Pre-sales	1.263.576.740	1.734.201.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.823.676.959	6.348.537.741
Chi phí bằng tiền khác	3.554.538.368	6.615.903.039
<b>Cộng</b>	<b>42.266.083.810</b>	<b>39.467.787.912</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	44.425.442.514	49.657.962.752
Chi phí vật liệu quản lý	2.885.137.571	3.334.281.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.900.554.000	5.217.469.051
Thuế, phí và lệ phí	25.197.623	36.050.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.633.229.573	16.425.693.887
Chi phí bằng tiền khác	5.567.518.525	6.607.024.391
<b>Cộng</b>	<b>68.437.079.812</b>	<b>81.278.482.228</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.6. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	11.999.355.043	8.104.749.583
Thanh lý, nhượng bán tài sản	174.141.294	-
Thu nhập khác	2.031.807.315	2.918.782.469
<b>Cộng</b>	<b>14.205.303.652</b>	<b>11.023.532.052</b>

**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	892.311.619.468	835.173.631.181
Chi phí nhân công	84.582.491.218	75.503.021.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.039.313.773	32.707.940.982
Chi phí dự phòng	-	613.900.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	185.125.135.557	46.322.266.590
Chi phí khác bằng tiền	25.426.373.273	21.646.882.986
<b>Cộng</b>	<b>1.230.484.933.289</b>	<b>1.011.972.643.407</b>

**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN được áp dụng tại từng công ty trong Tập đoàn.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.200.902.168	1.719.934.439
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	173.561.928	685.634.077
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.374.464.096</b>	<b>2.405.568.516</b>

(Xem tiếp trang sau)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### 6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Năm nay VND	Năm trước VND
985.520.150.667	710.891.407.142

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

### 6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Năm nay VND	Năm trước VND
(921.086.109.867)	(755.088.844.374)

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

## 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lợi của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

## 8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Danh sách các bên liên quan

### Mối quan hệ

- Công ty Cổ phần Công nghệ QI (Trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đẩu) Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas Công ty liên kết
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH Công ty liên kết
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
-------------------------------	-------------------------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

Công ty Cổ phần Công nghệ QI	1.400.752.320	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	511.305.849	511.306.849
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	280.000.000	198.000.000

**Cộng – Xem thêm mục 4.3**

<b>2.192.059.169</b>	<b>709.306.849</b>
----------------------	--------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
--	-------------------------------	-------------------------------

Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4:

Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	555.390.000	655.390.000
	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND

Phải thu về cho vay ngắn hạn:

Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND

Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.11:

Công ty Cổ phần Công Nghệ QI	(2.038.189.086)	-
------------------------------	-----------------	---

Trong năm, Tập đoàn đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
--	----------------	------------------

Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	120.000.000	120.000.000
--------------------------------------	-------------	-------------

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thủ lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được chi tiết như sau:

Tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	1.114.000.000	1.028.936.000
Ông Trần Tuyên Đức	Phó chủ tịch	898.000.000	581.000.000
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó chủ tịch	679.880.000	675.160.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên HĐQT	600.984.545	8.000.000
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên HĐQT	490.000.000	485.000.000
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên HĐQT	697.678.800	365.000.000
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.043.256.000	1.021.259.000
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	447.801.686	427.624.000
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/01/2021)	13.813.910	921.698.120
<b>Cộng</b>		<b>5.985.414.941</b>	<b>5.513.677.120</b>

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT**

Năm nay VND	Năm trước VND
255.696.109	395.853.400

Tiền lương và các chi phí hoạt động

**10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUẾ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2021 VND	Tại ngày 01/04/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	6.907.453.207	7.421.661.500
Trên 1 năm đến 5 năm	3.232.630.022	5.682.156.355
<b>Cộng</b>	<b>10.140.083.229</b>	<b>13.103.817.855</b>

(Xem tiếp trang sau)

